

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2025/DS-ST

Ngày: 11-6-2025

V/v “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Đinh Thành Công.

2/. Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đạt, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 78/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2025/QĐST-DS ngày 26/5/2025, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Q, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Trần Thị Q trình bày:

Do quen biết nhau nên vào năm 2018 tôi có cho anh Đ mượn số tiền 76.000.000 đồng. Khi cho mượn tiền hai bên thỏa thuận thời hạn mượn là 03 tháng anh Đ phải trả toàn bộ số tiền đã mượn. Tuy nhiên khi đến hạn trả tiền anh Đ không trả cho tôi bất kỳ khoản tiền nào cả. Tôi liên hệ đòi nhiều lần nhưng anh Đ cứ hứa hẹn mà không trả. Ngày 09/11/2024 anh Đ có làm bản cam kết tại Công an xã T xin trả cho tôi mỗi tháng 1.500.000 đồng vào ngày 15 tây hàng tháng. Tuy nhiên anh Đ vẫn không thực hiện. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc anh Nguyễn Tấn Đ có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền 76.000.000 đồng. Yêu cầu tính lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 09/11/2024 đến thời điểm xét xử vụ án, tính tròn 07 tháng.

- Bị đơn anh Nguyễn Tấn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về vụ án, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa chị Q giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu anh Đ trả số tiền 76.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 09/11/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, tính tròn 07 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Tấn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Q khởi kiện yêu cầu anh Đ trả số tiền vay nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đ cư trú tại xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Chị Q trình bày vào năm 2018 chị Q có cho anh Đ vay số tiền 76.000.000 đồng với thời hạn 03 tháng, việc cho vay hai bên không có làm biên bản, giấy tờ gì. Tuy nhiên vào ngày 09/11/2024 giữa anh Đ và chị Q có lập biên bản thỏa thuận, theo đó anh Đ thừa nhận có vay của chị Q số tiền 76.000.000 đồng, đồng thời anh Đ cam kết sẽ trả dần số tiền cho chị Q theo hình thức mỗi tháng trả 1.500.000 đồng vào ngày 15 tây hàng tháng. Do đó có căn cứ xác định chị Q có cho anh Đ vay số tiền 76.000.000 đồng.

Đối với anh Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ do chị Q cung cấp nhưng anh Đ không có ý kiến phản đối đối với những chứng cứ do chị Q cung cấp nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Q đã nhiều lần yêu cầu anh Đ trả lại số tiền vay nhưng anh Đ không thực hiện là vi phạm hợp đồng, có lỗi, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với bên cho vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Về lãi: Mặc dù khi cho vay, giữa chị Q và anh Đ không thỏa thuận về lãi suất nhưng anh Đ vay tiền của chị Q, cam kết thời hạn trả nợ mà không thực hiện. Nay chị Q yêu cầu anh Đ trả lãi với lãi suất 0,83%/tháng (tức 10%/năm) từ ngày anh Đ cam kết trả nợ là ngày 09/11/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Thời gian tính lãi là 07 tháng.

Tiền lãi được tính như sau: 76.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 7 tháng = 4.415.600 đồng.

Từ các phân tích trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Q là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Q.

Buộc anh Nguyễn Tấn Đ có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Q 76.000.000đồng tiền nợ gốc và 4.415.600 đồng tiền lãi. Tổng số tiền anh Nguyễn Tấn Đ phải trả cho chị Trần Thị Q là 80.415.600đồng. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Tấn Đ phải chịu 4.020.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại chị Trần Thị Q 1.994.620 đồng tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai thu số 0002989 ngày 04/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: chị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang